TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 02 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2550/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà* **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1995

Nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi tạm trú: Tổ 34, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

Chổ ở hiện nay: Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố B, Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990

Nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi tạm trú: Tổ 34, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

Chổ ở hiện nay: Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

(Bà A có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, ảnh hưởng đến tâm lý các con, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2020, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, tạm thời chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do chị bận rộn đi làm không có thời gian để tham gia phiên tòa. Đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn L đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với ông L. Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2020 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung chị A trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với Nguyễn Văn L hiện đang trú tại: Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L đầy đủ, tuy nhiên anh L vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị A và anh L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh L có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị A và anh L không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh L đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai vợ chồng anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh L không đến. Điều này chứng tỏ chị A và anh L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh L.

[3] **Về con chung**: Chị A và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2020. Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh L trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh L không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung, đồng thời con chung của chị A với anh L hiện chị A là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị A trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo chị A trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do anh L vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A. Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2020 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Văn L.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004400 ngày 25/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị A đã nộp xong án phí.

5. Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND UBND P. Long Bình (số ĐKKH 270 ngày 12/11/2021);
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hải